

Số: 1697/QĐ-ĐHKB

Bắc Ninh, ngày 09 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận thí sinh đủ điều kiện và được cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-TTg ngày 26/03/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/03/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ kết quả kiểm tra ứng dụng CNTT cơ bản của thí sinh ngày 22/11/2025;

Theo đề nghị của Trung tâm NN-TH;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 172 thí sinh đủ điều kiện và được cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản của Trường Đại học Kinh Bắc (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các Phòng, Khoa, Trung tâm liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu TT, VT./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Ngọc Trường

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(Kèm theo Quyết định số 1697/QĐ-ĐHKB ngày 09 tháng 12 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh Bắc)

TT	SBD	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm LT	Điểm TH	Ghi chú
1	1	CCTH894	Nguyễn Thị Mai Anh	07/07/1997	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.5	6.5	
2	2	CCTH911	Nguyễn Thị Ngọc Anh	10/02/1992	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.8	5.25	
3	3	CCTH901	Vũ Đăng Ánh	12/09/1997	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.0	8.5	
4	5	CCTH915	Nguyễn Thị Dinh	17/02/1985	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	5.5	5.0	
5	6	CCTH907	Nguyễn Tiến Dũng	30/03/1993	Bắc Ninh	Nam	Kinh	8.0	7.0	
6	7	CCTH888	Thân Thị Hạnh	23/08/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5.3	5.25	
7	9	CCTH905	Nguyễn Thị Hiền	19/04/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	8.0	7.75	
8	10	CCTH909	Nguyễn Thị Hiền	28/08/1990	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	8.0	7.5	
9	11	CCTH914	Trịnh Thị Thanh Hiền	27/07/2003	Nam Định	Nữ	Kinh	8.5	7.0	
10	12	CCTH916	Đoàn Văn Hiếu	28/09/1996	Bắc Ninh	Nam	Kinh	8.5	5.5	
11	13	CCTH896	Vũ Trung Hiếu	11/02/2003	Hải Dương	Nam	Kinh	8.0	6.0	
12	14	CCTH899	Tạ Huy Hoàng	04/09/1990	Bắc Ninh	Nam	Kinh	8.5	7.75	
13	15	CCTH902	Dương Thị Huệ	19/10/1983	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.3	6.5	
14	16	CCTH903	Nguyễn Thị Huệ	05/10/1996	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.3	5.5	
15	17	CCTH900	Lê Khánh Huyền	12/03/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.8	5.0	
16	18	CCTH912	Dương Thùy Hưng	05/10/1988	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.5	6.25	
17	19	CCTH898	Nguyễn Thị Lan Hương	09/02/1993	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	9.3	9.0	
18	20	CCTH897	Nguyễn Thị Mai Hương	13/12/1996	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	8.3	9.25	
19	21	CCTH917	Bùi Thị Ánh Hường	13/04/1987	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.3	7.0	
20	22	CCTH910	Nguyễn Thị Hường	20/11/1993	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.3	6.0	
21	23	CCTH846	Đặng Thị Hà Phương	12/10/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	7.0	7.0	
22	24	CCTH835	Phạm Thị Hùy	02/04/1986	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.5	7.25	
23	25	CCTH908	Vũ Long Khánh	02/09/1988	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.8	8.0	
24	26	CCTH832	Nguyễn Thị Lại	25/12/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.5	8.0	
25	27	CCTH831	Nguyễn Thị Mai Liên	29/06/1990	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	8.8	8.0	
26	28	CCTH919	Hoàng Thị Linh	28/01/1997	Hải Dương	Nữ	Kinh	8.0	8.75	
27	29	CCTH895	Nguyễn Thanh Mai	04/07/1998	Hà Nội	Nữ	Kinh	6.8	7.75	
28	30	CCTH925	Nguyễn Thế Minh	18/05/1998	Thái Nguyên	Nam	Kinh	8.5	8.25	
29	31	CCTH890	Phạm Thị Diệu Ninh	05/05/1988	Hải Dương	Nữ	Kinh	8.5	5.0	
30	32	CCTH823	Vũ Thị Ngân	26/03/1988	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.0	5.0	
31	33	CCTH921	Hoàng Thị Ngọc	23/08/1988	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	8.5	7.0	
32	34	CCTH922	Lê Thị Nhung	20/01/1993	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	7.0	6.5	
33	35	CCTH887	Vũ Thị Oanh	15/05/1990	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.8	7.0	
34	36	CCTH830	Nguyễn Đình Phan	05/08/1983	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5.0	7.75	
35	37	CCTH923	Nguyễn Thị Phúc	03/01/1988	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.8	6.0	
36	38	CCTH884	Phạm Thị Quyên	20/09/1991	Hải Dương	Nữ	Kinh	6.0	7.5	
37	39	CCTH834	Nguyễn Thị Quỳnh	06/03/1998	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	5.8	6.75	
38	41	CCTH926	Nguyễn Thị Tươi	02/10/1989	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	5.3	5.25	
39	42	CCTH885	Nguyễn Thị Thảo	08/10/1995	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.0	5.25	
40	43	CCTH886	Nguyễn Thị Thêm	05/03/1998	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.3	7.5	
41	44	CCTH892	Nguyễn Thị Thủy	19/03/1993	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	8.5	8.75	
42	45	CCTH889	Lê Thị Thúy	06/11/1991	Hà Nam	Nữ	Kinh	7.8	5.5	
43	46	CCTH891	Nguyễn Thị Thư	25/11/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8.0	8.25	
44	48	CCTH913	Ngọc Đức Anh	21/01/1993	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.8	8.0	
45	49	CCTH813	Nguyễn Ngọc Anh	19/11/1988	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6.8	8.5	
46	50	CCTH798	Nguyễn Thị Lan Anh	16/03/1999	Hải Dương	Nữ	Kinh	5.0	7.5	
47	51	CCTH804	Trần Văn Cồ	18/04/1985	Bắc Giang	Nam	Kinh	9.0	7.5	
48	52	CCTH802	Lò Bích Diệp	12/02/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	8.3	7.0	

TT	SBD	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm LT	Điểm TH	Ghi chú
49	53	CCTH801	Nguyễn Thị Thùy Dung	29/09/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	8.3	6.5	
50	54	CCTH827	Nguyễn Thị Thùy Dung	08/09/1997	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	5.0	6.5	
51	56	CCTH883	Nguyễn Thị Đào	09/10/1982	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.8	6.5	
52	57	CCTH818	Trần Thảo Giang	11/07/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.8	6.5	
53	58	CCTH819	Hoàng Thị Ngọc Hà	08/01/1988	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	8.3	8.0	
54	59	CCTH799	Nguyễn Thị Hạnh	29/03/1972	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.3	5.5	
55	60	CCTH826	Phạm Thị Hằng	23/06/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.5	6.0	
56	61	CCTH812	Nguyễn Thị Hậu	15/08/1998	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.3	6.0	
57	62	CCTH815	Đinh Thị Hiền	14/03/1985	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.0	5.0	
58	63	CCTH807	Đào Thu Huyền	25/10/1983	Hưng Yên	Nữ	Kinh	7.0	5.25	
59	65	CCTH820	Dương Thị Ngọc Lan	23/07/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.0	6.5	
60	66	CCTH803	Đỗ Thị Lan	05/03/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.3	7.0	
61	67	CCTH810	Nguyễn Thị Liên	04/05/1984	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.5	6.5	
62	68	CCTH882	Trần Thị Linh	17/11/1990	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.0	7.5	
63	69	CCTH816	Đỗ Thị Luyến	18/09/1998	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	8.0	6.0	
64	70	CCTH800	Lê Thị Hương Lý	19/12/1984	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.5	7.0	
65	72	CCTH809	Trương Như Ngọc	05/08/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8.0	5.5	
66	73	CCTH837	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	03/08/1982	Nghệ An	Nữ	Kinh	7.5	6.0	
67	74	CCTH821	Nguyễn Thị Phương	15/12/1995	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.3	7.0	
68	75	CCTH817	Nguyễn Thị Quế	06/09/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.8	5.5	
69	76	CCTH805	Nguyễn Thị Quỳn	05/04/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.8	6.0	
70	77	CCTH822	Nguyễn Văn Quỳnh	02/03/1984	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.5	5.5	
71	78	CCTH828	Nguyễn Nam Sơn	28/09/1995	Bắc Ninh	Nam	Kinh	8.0	8.0	
72	79	CCTH806	Nguyễn Thị Thanh Tâm	01/02/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.0	7.0	
73	80	CCTH814	Dương Thị Ngọc Tiến	07/06/1993	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	8.3	6.5	
74	81	CCTH836	Nguyễn Thị Tuyết	28/11/1986	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	8.0	6.0	
75	82	CCTH752	Nguy Phú Thiên	23/01/2003	TP Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	8.0	6.5	
76	83	CCTH906	Nguyễn Thị Thương	27/03/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.5	6.5	
77	84	CCTH824	Nguyễn Thị Trang	17/11/1997	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.5	7.0	
78	85	CCTH847	Nguyễn Thị Trính	06/10/1989	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.0	5.0	
79	86	CCTH808	Phan Thanh Vinh	24/04/1982	Hải Dương	Nam	Kinh	7.8	7.0	
80	87	CCTH811	Nguyễn Thị Yến	02/10/1992	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.5	6.5	
81	88	CCTH874	Đỗ Văn Anh	07/12/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.8	7.5	
82	89	CCTH756	Lục Thị Phương Châm	18/08/2004	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	7.8	7.0	
83	90	CCTH924	Nguyễn Đức Dương	10/12/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7.8	6.0	
84	91	CCTH786	Nguyễn Toàn Được	23/12/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	8.0	8.0	
85	92	CCTH868	Nguyễn Thị Hải	02/03/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.0	8.5	
86	93	CCTH757	Phạm Hồng Hạnh	31/08/2004	Hòa Bình	Nữ	Kinh	7.5	6.5	
87	94	CCTH788	Lê Thúy Hằng	24/07/2004	Ninh Bình	Nữ	Kinh	8.0	8.0	
88	95	CCTH751	Nguyễn Thị Hằng	06/10/2002	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.8	5.5	
89	96	CCTH839	Phạm Thị Huyền	18/12/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.3	6.5	
90	97	CCTH784	Trịnh Thị Ngọc Huyền	04/02/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8.3	8.0	
91	98	CCTH841	Nguyễn Thùy Linh	27/02/2003	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	7.0	6.5	
92	99	CCTH840	Bùi Thị Cẩm Ly	15/06/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	8.0	7.0	
93	100	CCTH790	Vũ Thị Thúy Nga	10/11/2002	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	6.3	8.0	
94	101	CCTH787	Nguyễn Thị Nguyệt	30/10/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	8.3	6.5	
95	102	CCTH785	Nguyễn Thị Kim Tuyền	10/05/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.5	7.0	
96	103	CCTH842	Lãnh Đình Tường	18/06/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	8.0	7.0	
97	104	CCTH782	Ngân Xuân Thanh	01/04/2004	Hòa Bình	Nam	Thái	7.0	7.5	
98	105	CCTH783	Phạm Văn Thắng	20/08/2004	Quảng Ninh	Nam	Kinh	7.0	9.0	
99	106	CCTH749	Nguyễn Thanh Trà	14/07/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7.3	7.0	
100	107	CCTH750	Phan Thanh Trang	05/02/2004	Hà Nam	Nữ	Kinh	7.3	5.0	
101	108	CCTH838	Nguyễn Thị Hà Vy	31/07/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	9.0	7.5	
102	109	CCTH789	Lèo Thị Huyền	28/08/2004	Sơn La	Nữ	Thái	7.5	9.0	
103	110	CCTH851	Vũ Thùy Hương	27/02/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8.3	9.0	
104	111	CCTH870	Phan Văn Kiên	14/09/2004	Thanh Hóa	Nam	Kinh	7.0	9.25	

TT	SBD	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm LT	Điểm TH	Ghi chú
105	112	CCTH848	Nguyễn Nam Khánh	24/08/2004	Hà Nam	Nam	Kinh	7.8	9.25	
106	113	CCTH852	Giăng Mí Lầu	09/09/2004	Hà Giang	Nam	Mông	6.8	7.75	
107	114	CCTH873	Nguyễn Thị Ngọc Linh	15/07/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.3	7.5	
108	115	CCTH850	Nguyễn Văn Núi	08/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	8.5	8.5	
109	116	CCTH869	Nông Thị Nguyệt	10/03/2004	Bắc Giang	Nữ	Tày	7.8	9.25	
110	117	CCTH795	Nguyễn Thị Ngọc Anh	22/03/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.3	9.25	
111	118	CCTH849	Bùi Thanh Bình	30/11/2004	Sơn La	Nữ	Kinh	6.3	8.5	
112	119	CCTH773	Phạm Thị Ánh Dương	04/08/2004	Hải Phòng	Nữ	Kinh	7.3	8.5	
113	120	CCTH843	Trương Thị Gấm	30/07/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	8.3	9.75	
114	121	CCTH770	Nguyễn Thị Thùy Giang	30/05/2004	Thái Bình	Nữ	Kinh	6.8	8.75	
115	122	CCTH781	Hoàng Thị Hồng Hạnh	03/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	8.0	9.0	
116	123	CCTH856	Nguyễn Thị Huệ	17/06/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.3	9.0	
117	124	CCTH754	Lưu Bùi Hương Lan	18/12/2004	Thái Bình	Nữ	Kinh	8.5	8.5	
118	125	CCTH753	Nguyễn Thị Thu Loan	19/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6.8	8.5	
119	126	CCTH796	Trần Huệ Mẫn	16/08/2004	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Hoa	7.3	9.5	
120	127	CCTH771	Dương Thị Minh	02/07/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8.0	8.5	
121	128	CCTH777	Nguyễn Thị Như Ngọc	24/10/2004	Đồng Nai	Nữ	Kinh	6.8	8.75	
122	129	CCTH774	Lê Thị Minh Phượng	01/08/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.8	8.75	
123	130	CCTH780	Trần Văn Tiến	28/07/1995	Bắc Ninh	Nam	Kinh	8.3	9.5	
124	131	CCTH772	Trần Ngọc Tĩnh	25/01/2004	Ninh Bình	Nữ	Kinh	6.0	8.75	
125	132	CCTH776	Trương Thị Lan Anh	10/10/2004	Nghệ An	Nữ	Kinh	9.0	9.0	
126	133	CCTH791	Đinh Ngọc Ánh	21/04/2004	Nam Định	Nam	Kinh	7.3	9.0	
127	134	CCTH866	Hà Nguyễn Như Bình	21/10/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.5	8.5	
128	135	CCTH778	Lê Khánh Chi	15/12/2004	Thái Bình	Nữ	Kinh	8.8	9.5	
129	136	CCTH767	Nguyễn Ngọc Diệp	28/04/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	5.5	9.75	
130	137	CCTH792	Hồ Thị Dung	04/10/2004	Điện Biên	Nữ	Mông	6.5	8.5	
131	138	CCTH863	Nguyễn Thị Duyên	04/11/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.5	9.0	
132	139	CCTH762	Nhạc Thị Duyên	08/09/2004	Phú Thọ	Nữ	Mường	8.3	9.0	
133	140	CCTH794	Nguyễn Đan	10/10/2004	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	8.0	8.5	
134	141	CCTH859	Vũ Quỳnh Gấm	15/03/2004	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	7.8	8.25	
135	142	CCTH857	Đặng Thị Hào	08/05/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	8.0	8.75	
136	143	CCTH877	Nguyễn Thị Hằng	14/11/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	8.0	7.75	
137	144	CCTH867	Ngô Thị Hồng	01/07/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.8	8.25	
138	145	CCTH779	Lê Thị Thu Huệ	19/11/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6.8	8.5	
139	146	CCTH769	Nguyễn Thị Huyền	03/12/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.5	8.0	
140	147	CCTH864	Nguyễn Thị Thương Huyền	13/12/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.3	9.0	
141	148	CCTH768	Phan Thị Thu Huyền	13/10/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.3	8.5	
142	149	CCTH766	Lâm Đức Kiều	13/08/2004	Tuyên Quang	Nam	Ngái	8.0	6.5	
143	150	CCTH860	Thân Thị Khánh Linh	02/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.8	7.0	
144	151	CCTH865	Lê Thị Thảo Lương	23/11/2004	TP Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	7.8	5.0	
145	152	CCTH875	Nguyễn Thị Cẩm Ly	21/08/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.8	6.0	
146	153	CCTH893	Hoàng Thị Mai	18/05/2004	Tuyên Quang	Nữ	Tày	7.5	7.5	
147	154	CCTH861	Nguyễn Thị Nga	22/05/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.5	8.0	
148	155	CCTH761	Nguyễn Thị Thúy Nga	15/01/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	8.5	8.5	
149	156	CCTH844	Chu Bích Ngọc	23/05/2002	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.8	9.5	
150	157	CCTH858	Nguyễn Thị Bích Ngọc	19/09/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	5.0	6.0	
151	158	CCTH764	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	19/02/2001	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	8.3	6.0	
152	159	CCTH879	Nguyễn Hồng Nhung	10/06/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	8.5	6.0	
153	160	CCTH775	Trần Thị Hồng Nhung	06/03/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	8.5	7.5	
154	161	CCTH862	Nguyễn Kim Oanh	05/10/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.5	8.5	
155	162	CCTH793	Nguyễn Thị Phương	01/12/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	5.8	9.0	
156	163	CCTH765	Nguyễn Thị Quyên	03/05/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	8.5	8.5	
157	164	CCTH845	Đinh Phương Thảo	20/03/2004	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	8.3	8.0	
158	165	CCTH878	Hoàng Thị Trang	21/11/2003	Thái Bình	Nữ	Kinh	8.0	7.5	
159	166	CCTH876	Nguyễn Thị Kiều Trang	23/10/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.5	8.0	
160	167	CCTH763	Chu Tổ Trân	06/04/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	8.0	9.0	

TT	SBD	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm LT	Điểm TH	Ghi chú
161	168	CCTH853	Nguyễn Quốc Vũ	12/04/2004	Kiên Giang	Nam	Kinh	7.0	9.0	
162	169	CCTH755	Phạm Thị Chúc	19/06/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	8.0	9.0	
163	170	CCTH880	Phạm Ngô Thu hà	08/11/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	8.0	9.5	
164	171	CCTH881	Nguyễn Khắc Hùng	13/08/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	9.0	8.5	
165	172	CCTH855	Dương Thùy Linh	31/12/2001	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	8.0	8.0	
166	173	CCTH854	Nguyễn Thị Thơm	15/03/2004	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	7.5	8.5	
167	174	CCTH872	Nguyễn Văn Thư	27/07/2000	Thanh Hóa	Nam	Kinh	7.8	8.0	
168	176	CCTH758	Đinh Thị Khuyên	22/11/1993	Nghệ An	Nữ	Kinh	8.8	10.0	
169	178	CCTH760	Trần Thị Quyến	08/04/1990	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7.3	8.0	
170	179	CCTH759	Trần Thị Minh Nguyệt	23/05/1992	Hải Phòng	Nữ	Kinh	7.8	8.0	
171	180	CCTH927	Nguyễn Thanh Chiến	15/02/2000	Tuyên Quang	Nam	Kinh	7.5	8.0	
172	181	CCTH928	Dương Phương Uyên	15/12/2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	8.3	8.0	

Danh sách gồm có 172 sinh viên./




DANH SÁCH SINH VIÊN KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(Kèm theo Quyết định số 1697 /QĐ-ĐHKB ngày 09 tháng 12 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh Bắc)

TT	SBD	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm LT	Điểm TH	Ghi chú
1	4	CCTH918	Trịnh Mạnh Cường	28/05/1979	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,5	4.0	Không đạt
2	8	CCTH904	Nguyễn Thị Hằng	22/08/1985	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,8	4.0	Không đạt
3	40	CCTH920	Trần Thị Anh Sinh	10/10/1993	Nam Định	Nữ	Kinh	3,5	-	Không đạt
4	47	CCTH833	Dương Thị Thu Trang	01/06/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	0	-	Vắng
5	55	CCTH797	Dương Thị Dương	07/10/1991	Hải Dương	Nữ	Kinh	0	-	Vắng
6	64	CCTH825	Nguyễn Thị Khuyên	25/02/1998	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	0	-	Vắng
7	71	CCTH829	Nguyễn Thị Nga	26/07/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	0	-	Vắng
8	175	CCTH871	Hoàng Ngọc Mai	22/07/1999	Lạng Sơn	Nữ	Tày	0	-	Vắng
9	177	CCTH748	Giàng Thị Quyết	10/08/2005	Lai Châu	Nữ	Mông	0	-	Vắng

Danh sách gồm có 9 sinh viên./.

